



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 (ĐIỀU CHỈNH LẦN 10)

(Bính kèm quyết định số: 31/8/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Mã QHNS	Đơn vị	Chương	Loại	Khoản	PHÍ, LỆ PHÍ		KINH PHÍ NHÌM VỤ THUỐNG XUYỀN	KINH PHÍ NHÌM VỤ THUỐNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 13)	Trong đó: 10% Tiền lương thực hiện CCTL	CHI CHÉNH LỊCH TĂNG MLCS TỰ LÊN 2.34TRD (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	NGUỒN CCTL TẠI ĐƠN VỊ	KINH PHÍ NHÌM VỤ THUỐNG XUYỀN	KINH PHÍ MUA SẴM NĂM 2026 (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ SỬA CHỮA NĂM 2026 (nguồn NSTP - nguồn 12)	CHI TTNT THEO NQ HẸND, TÍNH CHẾ THEO ND 154/2025/NĐ-CP (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	QUỸ TIỀN THƯỜNG (nguồn 18)	CHI CHỦ
						Tổng thu phí, lệ phí	Nộp NSNN											
A	B	C	D	E	F	I	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13
		TỔNG CỘNG																
1	1040015	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo (Sở nghiệp giáo dục)	422	070	098			(97.295.460.988)	(97.295.460.988)				(97.295.460.988)	(54.009.181.743)	(43.286.279.245)			
		CỘNG						97.295.460.988	97.295.460.988				97.295.460.988	54.009.181.743	43.286.279.245			
1	1044107	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074			956.800.000	956.800.000				956.800.000	499.800.000	457.000.000			
2	1015807	Trường THPT Phú Mỹ	422	070	074			1.730.816.000	1.730.816.000				1.730.816.000	1.730.816.000				
3	1080597	Trường THPT Nguyễn Trãi Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074			420.000.000	420.000.000				420.000.000	420.000.000				
4	1052920	Trường THPT Võ Thị Sáu- Côn Đảo	422	070	074			225.000.000	225.000.000				225.000.000	225.000.000				
5	1058491	Trường THPT Nguyễn Khuyến	422	070	074			375.316.000	375.316.000				375.316.000	375.316.000				
6	1015802	Trường THPT Trần Văn Quan	422	070	074			1.500.000.000	1.500.000.000				1.500.000.000	1.500.000.000				
7	1046716	Trường THPT Nguyễn Thị Diệu	422	070	074			486.000.000	486.000.000				486.000.000	486.000.000				
8	1069844	Trường THPT Ten Lơ Man	422	070	074			794.928.000	794.928.000				794.928.000	313.000.000	481.928.000			
9	1126076	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11	422	070	075			1.035.000.000	1.035.000.000				1.035.000.000	1.035.000.000				
10	1017519	Trường THPT Phước Bửu	422	070	074			1.176.000.000	1.176.000.000				1.176.000.000	1.176.000.000				
11	1015804	Trường THPT Xuyên Mộc	422	070	074			2.567.000.000	2.567.000.000				2.567.000.000	2.567.000.000				
12	1004457	Trường THPT Hòa Hối	422	070	074			717.000.000	717.000.000				717.000.000	717.000.000				
13	1104499	Trường THPT Bung Riềng	422	070	074			1.238.000.000	1.238.000.000				1.238.000.000	1.238.000.000				
14	1015959	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	422	070	074			5.635.000.000	5.635.000.000				5.635.000.000	1.973.000.000	3.662.000.000			
15	1042552	Trường THPT Thanh Đa	422	070	074			882.236.000	882.236.000				882.236.000	383.236.000	499.000.000			
16	1015809	Trường THPT Bình Tiến Hoàng	422	070	074			2.579.000.000	2.579.000.000				2.579.000.000	2.579.000.000				
17	1080497	Trường THPT Nguyễn Du- Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074			2.176.000.000	2.176.000.000				2.176.000.000	2.176.000.000				
18	1086748	Trường Chuyên biệt Cần Thanh	422	070	072			118.500.000	118.500.000				118.500.000	118.500.000				
19	1126687	Trung tâm GDNN-GDTX Tân Uyên	422	070	075			150.000.000	150.000.000				150.000.000	150.000.000				
20	1126586	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nhà Bè	422	070	075			81.105.000	81.105.000				81.105.000	81.105.000				
21	1126616	Trung tâm GDNN-GDTX Phú Giáo	422	070	075			289.764.000	289.764.000				289.764.000	289.764.000				

Đơn vị: đồng

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	PHÍ, LỆ PHÍ		DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIAO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHÌM VỤ THUỐNG XUYỀN	KINH PHÍ THUỐNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 13)	Trong đó: 10% Tiền kiểm thực hiện CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÉNH LỆCH TĂNG MLCS TỰ LÊN 2,34TRD (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	NGUỒN CCTL TẠI ĐƠN VỊ	KINH PHÍ NHÌM VỤ KHÔNG THUỐNG XUYỀN	KINH PHÍ MUA SẴM NĂM 2026 (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ SỬA CHỮA NĂM 2026 (nguồn NSTP - nguồn 12)	CHI TÍNH THEO NQ HẸM, TÍNH GIẢN BIẾN CHẾ THEO ND 154/2025/ND-CP (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	QUỸ TIỀN THUỐNG (nguồn 18)	GHI CHÚ
						Tổng thu phí, lệ phí	Nộp NSNN													
A	B	C	D	E	F	I	2	3	4=5+8	5=6+7	6	5	7	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13
22	1133676	Trung Tâm GDNN - GDTX Bàu Bàng	422	070	075			1.523.720.000	1.523.720.000						1.523.720.000	1.523.720.000				
23	1126673	Trung Tâm GDNN - GDTX Bến Cát	422	070	075			449.937.000	449.937.000						449.937.000	449.937.000				
24	1084069	Trường THPT Tây Nam	422	070	074			486.000.000	486.000.000						486.000.000	486.000.000				
25	1065497	Trường THPT Thường Tân	422	070	074			491.310.000	491.310.000						491.310.000	491.310.000				
26	1084068	Trường THPT Bàu Bàng	422	070	074			488.000.000	488.000.000						488.000.000	488.000.000				
27	1035494	Trường THPT Bình Khánh	422	070	074			364.334.000	364.334.000						364.334.000	364.334.000				
28	1104505	Trường THPT Phước Kiển	422	070	074			450.000.000	450.000.000						450.000.000	450.000.000				
29	1126654	Trung Tâm GDNN - GDTX Thuận An	422	070	075			4.564.885.234	4.564.885.234						4.564.885.234	4.564.885.234				
30	1004179	Trường THPT Nguyễn Trãi - Bình Dương	422	070	074			1.368.000.000	1.368.000.000						1.368.000.000	1.368.000.000				
31	1085127	Trường THPT Trần Văn Ơn	422	070	074			1.380.000.000	1.380.000.000						1.380.000.000	1.380.000.000				
32	1015603	Trường THPT Huỳnh Văn Nghệ	422	070	074			3.332.046.200	3.332.046.200						3.332.046.200	937.046.200	2.395.000.000			
33	1084073	Trường THPT Phước Vĩnh	422	070	074			1.549.981.200	1.549.981.200						1.549.981.200	1.549.981.200				
34	1120440	Trường THPT Phước Hoà	422	070	074			3.105.439.109	3.105.439.109						3.105.439.109	3.105.439.109				
35	1032948	Trường THCS và THPT Nguyễn Huệ	422	070	074			1.032.000.000	1.032.000.000						1.032.000.000	1.032.000.000				
36	1065495	Trường THCS và THPT Tây Sơn	422	070	074			19.914.315.000	19.914.315.000						19.914.315.000	6.914.315.000	13.000.000.000			
37	1122151	Trường THPT Long Hòa	422	070	074			747.650.000	747.650.000						747.650.000	747.650.000				
38	1085119	Trường THPT Thanh Tuyền	422	070	074			1.310.000.000	1.310.000.000						1.310.000.000	1.310.000.000				
39	1037383	Trường THPT Trần Hưng Đạo	422	070	074			983.000.000	983.000.000						983.000.000	485.000.000	498.000.000			
40	1126539	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Tân Bình	422	070	075			127.500.000	127.500.000						127.500.000	127.500.000				
41	1038803	Trường Giáo dục Chuyên biệt Hy Vọng quận Gò Vấp	422	070	072			596.613.581	596.613.581						596.613.581	115.500.000	481.113.581			
42	1114361	Trường THPT Trần Văn Giàu	422	070	074			467.803.000	467.803.000						467.803.000	467.803.000				
43	1046616	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	422	070	074			300.000.000	300.000.000						300.000.000	300.000.000				
44	1060563	Trường THPT Phan Đăng Lưu	422	070	074			5.432.000.000	5.432.000.000						5.432.000.000	5.145.000.000	287.000.000			
45	1058527	Trường THPT An Lạc	422	070	074			172.224.000	172.224.000						172.224.000	172.224.000				
46	1004460	Trường THPT Trần Phú - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074			6.014.000.000	6.014.000.000						6.014.000.000		6.014.000.000			
47	1080602	Hưng Đạo-Bà Rịa-Vũng Tàu	422	070	074			5.500.000.000	5.500.000.000						5.500.000.000		5.500.000.000			
48	1008124	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	422	070	074			495.218.000	495.218.000						495.218.000		495.218.000			

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	PHÍ, LỆ PHÍ		KINH PHÍ NHÌM VỤ THUỐC XUYỀN	KINH PHÍ NHÌM VỤ THUỐC XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 13)	Trong đó: 10% Tiền hiện thực hiện CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÉNH LỊCH TĂNG MLCS TỰ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	NGUỒN CCTL TẠI ĐƠN VỊ	KINH PHÍ NHÌM VỤ KHÔNG THUỐC XUYỀN	KINH PHÍ MUA SẴM NĂM 2026 (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ SỬA CHỮA NĂM 2026 (nguồn NSTP - nguồn 12)	CHI TRÍ THEO NQ 27/2025/NQ-HĐND, TỈNH GIẢI BIẾN CHẾ THEO NĐ 134/2025/NĐ-CP (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	QUỸ TIỀN THUỐC (nguồn 18)	GHI CHÚ		
						Tổng thu phí, lệ phí	Nộp NSNN													
A	B	C	D	E	F	I	2	3	4=5+8	5=6+7	6	5	7	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13
49	1129175	Trường THPT Hồ Thị Bì	422	070	074			496.000.000	496.000.000				496.000.000	496.000.000	496.000.000					
50	1014727	Trường THPT Lý Thường Kiệt	422	070	074			498.000.000	498.000.000				498.000.000	498.000.000	498.000.000					
51	1046617	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	422	070	074			498.000.000	498.000.000				498.000.000	498.000.000	498.000.000					
52	1114460	Trường THPT Phạm Văn Sáng	422	070	074			495.000.000	495.000.000				495.000.000	495.000.000	495.000.000					
53	1040082	Trường THPT Nguyễn An Ninh	422	070	074			496.000.000	496.000.000				496.000.000	496.000.000	496.000.000					
54	1038766	Trường THPT Trương Chính	422	070	074			495.000.000	495.000.000				495.000.000	495.000.000	495.000.000					
55	1069842	Trường THPT Gò Vấp	422	070	074			495.000.000	495.000.000				495.000.000	495.000.000	495.000.000					
56	1087510	Trường THPT Trần Quang Khai - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074			418.000.000	418.000.000				418.000.000	418.000.000	418.000.000					
57	1068661	Trường THPT Trần Khai Nguyên	422	070	074			499.342.000	499.342.000				499.342.000	499.342.000	499.342.000					
58	1001956	Trường THPT Ngô Quyền	422	070	074			499.000.000	499.000.000				499.000.000	499.000.000	499.000.000					
59	1040014	Trường THPT Ngô Gia Tự	422	070	074			496.965.000	496.965.000				496.965.000	496.965.000	496.965.000					
60	1115077	Trường THPT Minh Đạm	422	070	074			453.000.000	453.000.000				453.000.000	453.000.000	453.000.000					
61	1076008	Trường phổ thông năng khiếu TD, TT Nguyễn Thi Đình	422	070	074			496.252.000	496.252.000				496.252.000	496.252.000	496.252.000					
62	1019589	Trường THPT Tân Phước Khánh	422	070	074			146.828.700	146.828.700				146.828.700	146.828.700	146.828.700					
63	1085122	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	422	070	074			105.000.000	105.000.000				105.000.000	105.000.000	105.000.000					
64	1067145	Trường THPT Lê Lợi	422	070	074			498.121.273	498.121.273				498.121.273	498.121.273	498.121.273					
65	1038348	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12	422	070	092			495.000.000	495.000.000				495.000.000	495.000.000	495.000.000					
66	1042683	Trường Phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu	422	070	074			495.000.000	495.000.000				495.000.000	495.000.000	495.000.000					
67	1014287	Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật Bà Rịa	422	070	072			456.405.768	456.405.768				456.405.768	456.405.768	456.405.768					
68	1E+06	Trường Trung cấp Nông Lâm Nghiệp	422	070	092			489.093.923	489.093.923				489.093.923	489.093.923	489.093.923					
69	1014326	Trung tâm GDTC -HN Vũng Tàu	422	070	075			495.011.000	495.011.000				495.011.000	495.011.000	495.011.000					

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH